

Bản án số: 34/2020/DS-ST  
Ngày 13 tháng 5 năm 2020  
*V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Mừng;
2. Ông Trương Phước Công.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang:** tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 287/2019/TLST- DS, ngày 28 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 510/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* - Bà Phạm Kim N1, sinh năm 1951.

- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1951. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà N1. Có ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983.

Cư trú: Khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1937. (vắng mặt).

Cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm có:

- Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1975. (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1980. (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1985. (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1979. (vắng mặt).

Cùng ngụ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn Q2, sinh năm 1978. (vắng mặt).

Cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1965. (vắng mặt).  
Cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.
- Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1966. (vắng mặt).  
Cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 28.6.2019 nguyên đơn bà Phạm Kim N1 trình bày: Do quen biết nên bà có cho chồng ông Nguyễn Văn Q1 và bà Huỳnh Thị Điệp vay nhiều lần tiền. Cụ thể như sau:

Ngày 28.10(âl).2007 số tiền 30.000.000đồng; ngày 03.9(âl).2009 số tiền 15.000.000đồng; ngày 13.10(âl).2009 số tiền 5.000.000đồng; ngày 27.10(âl).2009 50.000.000đồng. Tổng cộng là 100.000.000đồng. Khi vay có làm biên nhận, thỏa thuận 2.5%/tháng. Sau đó đến nay 05.02.2016 ông Q1 trả cho bà N1 2.000.000đồng. Hiện tại ông Q1 còn nợ 98.000.000đồng, bà Điệp chết năm 2018 đã chuyển nhượng đất đai cho con đứng tên nên các con bà Điệp có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà N1, ông T. Nay ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Kim N1 yêu cầu ông Nguyễn Văn Q1 cùng các thừa kế của bà Huỳnh Thị Điệp gồm Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn thiếu là 98.000.000 đồng (chín mươi tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q1 cùng các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị Cẩm V, ông Nguyễn Thanh K, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thanh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn Q1 cùng các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị Cẩm V, ông Nguyễn Thanh K, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Văn Q1 cùng các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị Cẩm V, ông Nguyễn Thanh K, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thanh H về nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Kim N1.

#### **- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

**1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:**

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà Huỳnh Thị Điệp chết năm 2018 (trước khi Tòa án thụ lý vụ án) nhưng Tòa án lại xác định tư cách tham gia tố tụng của các ông, bà Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị Thanh H là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Điệp là

không chính xác. Cần điều chỉnh tư cách tham gia tố tụng của các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:** Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

**2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:**

- Đối với nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Kim N1 cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q1, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Các ông, bà Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị Thanh H, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

**3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Ngày 28/10/2007, ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Kim N1 có cho ông Nguyễn Văn Q1 vay 30.000.000 đồng, mục đích vay tiền cho ông Nguyễn Văn N2 (con ông Q1) làm vốn mua lúa. Khi nhận tiền vay có ông Q1, bà Huỳnh Thị Diệp (vợ ông Q1, đã chết năm 2018). Các ngày 03/9/2009, ông Q1, bà Diệp, ông Nguyễn Thanh K (con ông Q1) vay 15.000.000 đồng; ngày 13/10/2009, bà Diệp vay 5.000.000 đồng; ngày 27/10/2009, bà Diệp, ông K vay 50.000.000 đồng. Tất cả các biên nhận tiền đều do ông K viết, người nhận tiền là ông Q1, bà Diệp; bà Diệp không viết, ký vào biên nhận do bà Diệp không biết chữ. Sau đó, ngày 05/02/2016, ông Q1 trả 2.000.000 đồng, việc vay mượn không thỏa thuận lãi suất. Năm 2018, bà Diệp chết nhưng ông Q1, bà Diệp đã tặng cho quyền sử dụng đất cho ông K nên tại phiên tòa yêu cầu ông Q1 cùng ông Nguyễn Thanh K liên đới trả 98.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với các người con gồm các ông, bà Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị Thanh H.

Phía ông Nguyễn Văn Q1 cùng những người con không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của ông T, bà N1.

Xét thấy, căn cứ ông T, bà N1 khởi kiện là 02 biên nhận nợ của các ngày 28/10/2007, 03/9/2009 và 27/10/2009 thể hiện nội dung ông Q1 có vay của ông T, bà N1 với tổng số tiền 100.000.000 đồng, không thể hiện lãi suất và thời hạn trả.

Theo ông T, bà N1 cho rằng: Sau khi vay ông Q1 đã trả 2.000.000 đồng, còn lại 98.000.000 đồng, ông Q1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên việc ông T, bà N1 yêu cầu ông Q1 trả 98.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Đối với các ông Nguyễn Thanh K (là con của ông Q1, bà Điệp) không trực tiếp nhận tiền và giao dịch dân sự với ông T, bà N1 nên không có cơ sở buộc ông K liên đới cùng ông Q1 trả 98.000.000 đồng.

Riêng, các ông, bà Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị Thanh H (là con của ông Q1, bà Điệp), phía nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện nên cần đình chỉ theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Kim N1.

- Buộc ông Nguyễn Văn Q1 trả ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Kim N1 98.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Kim N1 đối với ông Nguyễn Thanh K.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Kim N1 đối với các ông, bà Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị Thanh H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Văn Q1. Bị đơn có nơi cư ngụ tại xã Long Điền B, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Q1; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: ông Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị Thanh H đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay ông Q1; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: ông Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q cùng các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[2]. **Về nội dung:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy, qua lời khai của đương sự thể hiện bằng các biên nhận nợ. Tòa án xác định giữa ông T, bà N1 và ông Q1 có xác lập hợp đồng vay với tổng số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); sau đó đến ngày 05.02.2016 ông Q1 trả cho bà N1 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Xét thấy hợp đồng vay tài sản có bảo đảm được xác lập giữa ông T, bà N1 và ông Q1 là hoàn toàn tự nguyện không trái với đạo đức xã hội phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay ông P đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Q1 và ông K liên đới trả cho ông T, bà N1 số tiền 98.000.000 đồng (chín mươi tám triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên xét về trách nhiệm liên đới của các con của bà Diệp thì thấy tại đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đến phiên tòa hôm nay; nguyên đơn không chứng minh, chứng cứ về khối tài sản của bà Diệp (chết) để lại cho các hàng thừa kế của bà Diệp và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thu thập chứng cứ vào các ngày 24/3/2017, ngày 07/4/2017 tại Văn phòng công chứng Lý Thanh Dũng. Địa chỉ số 40, tỉnh lộ 942, ấp Long Hòa, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; ông Nguyễn Văn Q1, bà Huỳnh Thị Diệp ký kết Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh K (Bút lục số 88, 89, 90, 91, 94 và 95) thực hiện các hợp đồng tặng cho đã có hiệu lực pháp luật trước khi ông T, bà N1 khởi kiện ông Nguyễn Văn Q1 cùng các hàng thừa kế của bà Huỳnh Thị Diệp (chết 2018). Hơn nữa tại thời điểm thực hiện việc vay nợ là do ông T, bà N1 giao dịch trực tiếp với ông Q1 và ông Q1 là người trực tiếp nhận tiền từ ông T, bà N1. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về trách nhiệm liên đới của các con bà Diệp liên đới trả số tiền trên cho ông T, bà N1 là không có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa ông P đại diện nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu yêu cầu khởi kiện đối với các người con của ông Q1, bà N1 gồm: ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị Cẩm V, ông Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thanh H. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu; do vậy Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp đúng với quy định của pháp luật.

Do ông Q1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên ông Q1 phải có nghĩa vụ trả số tiền trên cho ông T, bà N1. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà N1 là phù hợp được quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Kim N1.

- Buộc ông Nguyễn Văn Q1 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Kim N1 và số tiền 98.000.000 đồng (chín mươi tám triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Kim N1 đối với ông Nguyễn Thanh K.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Kim N1 đối với các ông, bà Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị Thanh H.

**[3] Về án phí:** Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;
- Các Điều 26, 35, 126, 144, 146, 147, 227, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Kim N1.
2. Buộc ông Nguyễn Văn Q1 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Kim N1 số tiền 98.000.000 đồng (chín mươi tám triệu đồng).
3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Kim N1 đối với ông Nguyễn Thanh K.
4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Kim N1 đối với các ông, bà Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q2, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị Thanh H.
5. Về án phí: ông Nguyễn Văn Q1 phải chịu 4.900.000 đồng (bốn triệu chín trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Thanh**